TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ **HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày: 26/8/2020

Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **VÕ QUANG TRUYỀN.**

2. Ông **LÊ HUỲNH H ĐĂNG**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **PHẠM THỊ NGỌC LAN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:* Bà **NGUYỄN LÂM THÚY VI** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 528/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thu L**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: số 25/12B, khu phố 4, thị trấn HT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Nay là số 25/12B, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoàng LE**, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2019) (có mặt).

Địa chỉ: số 06, đường Suối Đá Khedol, ấp PH, xã SĐ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***Bị đơn*:** Chị **Phạm Thị Ngọc LI**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: số 496 – 498 (số cũ 45/8), đường Phạm Hùng, ấp LB, xã LTN, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Anh **Lê Lâm TU**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 496 – 498 (số cũ 45/8), đường Phạm Hùng, ấp LB, xã LTN, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh.

2. Anh **Vương Hoàng TH**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu phố 4, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh **Vương Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số 25/12B, khu phố 4, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Nay là số 25/12B, khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

4. Anh **Vương Hoàng TY**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số 25/12B, khu phố 4, thị trấn HT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Nay là số 25/12B, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

***Người đại diện theo ủy quyền của anh TH, anh H và anh TY*:** Anh **Nguyễn Hoàng LE**, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/02/2020) (có mặt).

Địa chỉ: số 06, đường Suối Đá Khedol, ấp PH, xã SĐ, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thu L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng LE thống nhất trình bày:

Bà Huỳnh Thu L và ông Vương Thành B là vợ chồng. Ông bà có 03 người con chung là anh Vương Hoàng TH, anh Vương Huỳnh Thanh H và anh Vương Hoàng TY.

Từ năm 2011, ông B và vợ chồng chị Phạm Thị Ngọc LI, anh Lê Lâm TU có làm ăn chung với nhau, ông B đi mua cây về bán lại cho vợ chồng chị LI. Tháng 10/2017, ông B chết, bà L xem lại giấy tờ thì phát hiện có 01 giấy nợ nội dung ông B cho chị LI vay số tiền 350.000.000 đồng. Bà L mới điện thoại để đòi nợ thì vợ chồng chị LI thừa nhận có nợ tiền của ông B và hứa 01 thời gian sẽ trả. Hết thời gian hẹn nợ chị LI vẫn không trả nên bà L đề nghị chị LI viết giấy hẹn nợ. Ngày 05/11/2017, chị LI tự viết giấy hẹn nợ, nội dung thừa nhận có nợ ông B số tiền 350.000.000 đồng hẹn trong thời gian 01 tháng sẽ trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn lại là 250.000.000 đồng thì ra giêng năm sau trả và sẽ đóng tiền lãi hàng tháng nhưng sau đó, chị LI không trả nợ cho bà L như đã hứa.

Ngoài giấy nhận nợ ngày 05/11/2017 mà bà L nộp cho Tòa án để giải quyết trong vụ án này thì bà LI còn viết cho bà L 01 giấy nhận nợ khác, cũng của khoản nợ 350.000.000 đồng nói trên và hứa là sẽ trả dần cho bà L mỗi tháng 5.000.000 đồng, giấy nợ này bà L không còn giữ nên không thể nộp cho Tòa án được, từ khi viết giấy nợ tới nay, bà LI đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của con của bà L là anh Vương Hoàng TY tổng cộng 04 lần với số tiền 25.000.000 đồng. Bà L đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền nợ gốc. Bà L xác định, ngoài khoản nợ này thì vợ chồng chị LI, anh TU không còn nợ vợ chồng bà L, ông B thêm khoản nợ nào khác.

Bà L cho rằng đây là khoản nợ giữa vợ chồng chị LI với vợ chồng bà L, không liên quan đến các con của bà L, bà L yêu cầu nhận toàn số tiền trên.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng chị LI, anh TU cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 350.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền chị LI đã trả là 25.000.000 đồng, bà L yêu cầu chị LI, anh TU tiếp tục trả số tiền 325.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi và không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2020 và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Ngọc LI trình bày:

Chị LI và anh Lê Lâm TU là vợ chồng, vợ chồng chị đã nhận được giấy mời làm việc của Tòa án nhiều lần nhưng nguyên đơn bà Huỳnh Thu L hứa với chị sẽ rút lại đơn khởi kiện nên anh chị không có đến Tòa án để làm việc.

Ông Vương Thành B là chồng của bà L, khi còn sống ông B có làm ăn chung với vợ chồng chị LI, khoản nợ 350.000.000 đồng là nợ làm ăn chung giữa ông B với vợ chồng chị LI. Sau khi ông B chết đột ngột, chị LI có đến gặp bà L để nói về khoản nợ này thì bà L yêu cầu chị LI viết giấy nợ. Do chị LI có hứa với ông B nên khi bà L đề nghị viết giấy nhận nợ thì chị LI đồng ý. Sau khi viết giấy nhận nợ thì chị LI có trả dần tiền nợ cho bà L khoản vài chục triệu nhưng không có ký nhận. Sau đó, bà L khởi kiện vợ chồng chị LI ra Tòa án. Đến ngày 30 tết âm lịch của năm 2020, giữa chị LI và bà L thống nhất khoản tiền đã trả trước đây không tính. Từ đây, chị LI bắt đầu trả nợ lại cho bà L 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, mỗi tháng chị LI sẽ chuyển tiền trả nợ vào số tài khoản của con trai bà L là anh Vương Hoàng TY. Khi hai bên thống nhất phương án trả nợ thì tiếp tục làm giấy tờ, giấy này chị LI tự viết, tự ký tên và đưa cho bà L giữ, nội dung thể hiện chị LI có nợ số tiền 350.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng.

Như vậy, chị LI chỉ nợ ông B khoản nợ 350.000.000 đồng nhưng chị LI có viết cho bà L tới 02 giấy hẹn nợ và hứa trả nợ. Khi chị LI được Tòa án cho tiếp cận bản chính giấy nợ đề ngày 05/11/2017 do nguyên đơn nộp thì chị LI thừa nhận giấy nợ này do chị LI tự viết và ký tên. Tuy nhiên, còn 01 giấy nợ khác nữa của khoản nợ 350.000.000 đồng viết vào

ngày 30 tết âm lịch của năm 2020. Nay tại tòa, bà L thừa nhận ngoài khoản nợ này thì vợ chồng chị không còn nợ vợ chồng bà L khoản nợ nào khác thì chị LI đồng ý.

Sau khi hai bên thống nhất việc trả nợ thì mùng 9 tết của năm 2020, chị LI bắt đầu chuyển tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng của anh TY, từ đó đến nay chị LI chuyển tiền vào tài khoản của anh TY để trả nợ cho bà L tổng cộng 04 lần với số tiền 25.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Trước đây, chị trình bày đã chuyển 07 lần với số tiền 35.000.000 đồng là do chị nhớ không chính xác.

Chị LI thừa nhận đây là nợ chung giữa vợ chồng chị LI và anh TU.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng chị LI, anh TU cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 350.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền chị LI đã trả là 25.000.000 đồng, bà L yêu cầu chị LI, anh TU tiếp tục trả số tiền 325.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi và không còn yêu cầu nào khác thì chị LI đồng ý.

Ý kiến và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vương Hoàng TH, anh Vương Huỳnh Thanh H và anh Vương Hoàng TY do người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hoàng LE trình bày:

Các anh Vương Hoàng TH, anh Vương Huỳnh Thanh H và anh Vương Hoàng TY là con chung của bà L và ông B. Đối với số tiền 350.000.000 đồng ông B cho vợ chồng chị LI vay là tiền của ông B và bà L không liên quan đến các con của ông B và bà L nên các anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, đồng ý để bà L nhận toàn bộ số tiền trên và không có ý kiến gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Lâm TU đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa án để làm việc, hòa giải, dự phiên họp và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Lâm TU đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh TU là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thu L đối với chị Phạm Thị Ngọc LI và anh Lê Lâm TU về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc chị LI, anh TU pH có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 350.000.000 đồng, khấu trừ số tiền chị LI đã trả cho bà L là 25.000.000 đồng, còn lại số tiền 325.000.000 đồng, ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi của số tiền trên. Chị LI, anh TU phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Lâm TU đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh TU là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà L cho rằng chị LI, anh TU có vay của ông B số tiền 350.000.000 đồng, sau khi ông B chết, chị LI hứa với bà L trả nhưng không trả nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2]. Chị LI cho rằng số tiền 350.000.000 đồng là khoản nợ làm ăn chung giữa chị LI với ông B, bà L không thừa nhận và cho rằng đây là khoản nợ vay mà chị LI, anh TU còn nợ ông B. Trong giấy nhận nợ ngày 05/11/2017, chị LI thừa nhận có mượn tiền của ông B. Do đó, có căn cứ xác định đây là khoản nợ vay như bà L trình bày.

[3]. Khoản nợ 350.000.000 đồng là nợ giữa chị LI và ông B, trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông B, Nay ông B đã chết, các con chung của bà L và ông B đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà L không liên quan đến họ và thống nhất yêu cầu giao tất cả co bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Xét yêu cầu của bà L yêu cầu chị LI, anh TU cùng có nghĩa vụ trả số tiền 325.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất chị LI đã trả cho bà L số tiền 25.000.000 đồng nên bà L chỉ yêu cầu chị LI, anh TU cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 325.000.000 đồng. Chị LI thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý cùng với anh TU trả nợ cho bà L. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với chị LI và anh TU. Buộc chị LI và anh TU cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 325.000.000 đồng.

[5]. Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu chị LI, anh TU trả lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí: Chị LI và anh TU phải chịu 325.000.000 đồng x 5% = 16.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thu L đối với chị Phạm Thị Ngọc LI và anh Lê Lâm TU.

Buộc chị Phạm Thị Ngọc LI và anh Lê Lâm TU cùng có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thu L số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc LI và anh Lê Lâm TU phải chịu 16.250.000 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thu L là người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra xử lý.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa án tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Phụng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.